

# MÔ HÌNH, HÌNH THỨC TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

Lê Tiến Châu\*

## 1. Đặt vấn đề

Bảo vệ quyền con người, có nhiều biện pháp, cách thức khác nhau trong đó có biện pháp về pháp luật. Bảo vệ quyền con người, chính là mục đích quan trọng của tổ tụng hình sự (TTHS). Mục đích này rất giống nhau trong hệ thống pháp luật của các nước, nhưng những hình thức, biện pháp và kết quả của hoạt động đó đã và đang rất khác nhau ở các quốc gia. Điều đó phụ thuộc vào mô hình và hình thức TTHS; mô hình và hình thức TTHS được xây dựng và thực hiện như thế nào sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến việc bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề này vẫn chưa nhận được sự quan tâm đầy đủ của các nhà nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến một số vấn đề về mô hình và hình thức TTHS trong việc bảo vệ quyền con người, đây chính là những luận cứ khoa học góp phần hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam, bảo vệ tốt quyền con người ở nước ta trong tiến trình cải cách tư pháp.

## 2. Các mô hình và hình thức Tổ tụng hình sự

Cho đến nay, nhận thức về mô hình và hình thức tổ tụng hình sự vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau. Có người đồng nhất mô hình tổ tụng với hình thức tổ tụng, cũng có người lại sử dụng khái niệm kiểu tổ tụng đồng nghĩa với hình thức tổ tụng... Chúng tôi quan niệm kiểu TTHS, hình thức TTHS, mô hình TTHS là những vấn đề khác nhau.

Kiểu TTHS là *"tổng hợp toàn bộ các dấu hiệu của nó đặc trưng cho một hình*

*thái kinh tế xã hội nhất định"*<sup>1</sup>. Kiểu TTHS được quy định và chi phối bởi bản chất và các kiểu Nhà nước, vì vậy bản chất, nội dung của TTHS trong bất kỳ Nhà nước nào luôn bị ảnh hưởng và chi phối bởi kiểu Nhà nước đó. Trong lịch sử đã và đang tồn tại các kiểu Nhà nước khác nhau và tương ứng cũng có các kiểu TTHS khác nhau. Quan niệm này cho chúng ta thấy mối quan hệ có tính phụ thuộc, chi phối về bản chất của TTHS với chế độ xã hội của Nhà nước mà kiểu tổ tụng đó tồn tại. Trong cùng một kiểu TTHS có thể có những mô hình và hình thức tổ tụng khác nhau. Điều này cũng giống như trong một kiểu Nhà nước, có thể có nhiều hình thức Nhà nước khác nhau. Các điều kiện lịch sử, truyền thống, phong tục tập quán; các điều kiện kinh tế - xã hội... của từng quốc gia sẽ hình thành cách thức giải quyết những yêu cầu và nhiệm vụ chủ yếu của TTHS khác nhau. Đó chính là lý do để giải thích sự hình thành các mô hình, hình thức tổ tụng khác nhau ở quốc gia có cùng một kiểu TTHS.

Mô hình TTHS là cách thức tổ chức và phương thức hoạt động của TTHS, cách thức tổ chức và phương thức hoạt động này sẽ quyết định mô hình tổ chức, địa vị pháp lý cũng như động lực của các chủ thể khi thực hiện chức năng TTHS. Có nhiều cách phân loại mô hình TTHS khác nhau, chung quy lại thì trên thế giới đã và đang tồn tại hai mô hình TTHS đặc trưng và chủ yếu, đó là mô hình TTHS công bằng và mô hình TTHS kiểm soát tội phạm. Quan điểm muốn nhấn mạnh đến tính hiệu quả của hoạt động

<sup>1</sup> PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc. Mô hình TTHS Việt Nam – lý luận và thực tiễn. Tạp chí Khoa học pháp lý, số 5/2007, tr. 45.

\* Ths. Luật học, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

tổ tụng, tức là muốn nhấn mạnh đến yêu cầu kiểm soát tội phạm và quan điểm muốn nhấn mạnh tính **hợp pháp**, đến yêu cầu điều chỉnh hành vi của những người có thẩm quyền khi tiến hành các hoạt động tố tụng là nguyên nhân ra đời của hai mô hình tố tụng này.

Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm quan niệm rằng, việc kiểm soát tình hình, diễn biến của tội phạm, phát hiện và xử lý nghiêm hành vi phạm tội là chức năng và yêu cầu quan trọng nhất của TTHS. TTHS đảm bảo quyền con người bằng cách tiến hành các hoạt động tố tụng có hiệu quả nhằm xác định tội phạm, người phạm tội và áp dụng các hình thức trách nhiệm hình sự thích hợp. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả, mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm yêu cầu hoạt động của các cơ quan và người có thẩm quyền phải được thực hiện nhanh chóng, dứt khoát và có tỷ lệ buộc tội cao. Căn cứ để đánh giá kết quả của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm là một người bị bắt nhưng không phạm tội phải được trả tự do ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, trong khi những người khác phải bị buộc tội nhanh chóng và chắc chắn. Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm sử dụng quan niệm “*suy đoán phạm tội*” để thể hiện thái độ đối với những người không được thả vì không chắc chắn là không phạm tội. Mô hình này đặt niềm tin vào quá trình chứng minh tội phạm của cảnh sát và công tố khi họ quyết định thả những người bị tình nghi nhưng “*hình như vô tội*” và duy trì các hoạt động chống lại những người “*hình như có tội*”<sup>2</sup>.

Mặc dù có những ưu điểm, nhưng mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm cũng có những hạn chế nhất định, đó là quá chú trọng đến nguyên tắc “*suy đoán có tội*”. Trong khi sự suy đoán này thực chất chỉ là giả thuyết của quá trình tố tụng, nên khi cơ quan và người tiến hành tố tụng (THTT)

mới chỉ nghĩ rằng người bị tình nghi phạm tội mà đã đối xử với họ như người thực sự có tội là vấn đề vẫn còn nhiều tranh luận. Sự nhanh chóng và dứt khoát vốn được coi là mục tiêu của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm bị xem như là sự lạm dụng quyền lực nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người. Có lẽ đây là điểm hạn chế lớn nhất của mô hình tố tụng này.

Trong khi đó, mô hình tố tụng công bằng quan niệm rằng việc đặt các cá nhân đối mặt một cách công bằng với quyền lực to lớn của Nhà nước nên phải có sự kiểm soát chặt chẽ để tránh sự vận hành với năng suất tối đa<sup>3</sup>. Một trong những cách thức để có thể cân bằng với quyền lực của Nhà nước là học thuyết có tội về mặt pháp lý. Có tội về mặt pháp lý khác với có tội về mặt thực tế ở chỗ nếu người thực hiện hành vi buộc tội (cảnh sát, công tố) mà không thực hiện đầy đủ hoặc có thực hiện nhưng không phù hợp với quy định pháp luật thì người bị buộc tội không có tội về mặt pháp lý (họ có thể có tội về mặt thực tế).

Nhận xét về hai mô hình tố tụng trên đây, có người cho rằng mô hình tố tụng công bằng đối lập với mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm. Mô hình tố tụng công bằng dường như không quan tâm tới việc hạn chế tội phạm, quá đề cao quyền và lợi ích cá nhân mà quên rằng lợi ích chung của xã hội cũng cần phải được đảm bảo và như vậy tình hình tội phạm chắc chắn sẽ gia tăng. Quan điểm này theo chúng tôi là chưa thực sự thuyết phục, bởi lẽ sự khác biệt giữa hai mô hình tố tụng này thể hiện ở quy trình thực hiện các hoạt động tố tụng chứ không chỉ là kết quả của quá trình tố tụng.

Như vậy, cả hai mô hình tố tụng đều hướng tới mục tiêu là bảo vệ quyền con người và lợi ích của xã hội. Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm thì đạt được mục tiêu này bằng một trình tự, thủ tục tố tụng hiệu

<sup>2</sup> Chuyên đề: Tư pháp hình sự so sánh - Thông tin khoa học pháp lý, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, số đặc biệt, tr. 82.

<sup>3</sup> Chuyên đề: Tư pháp hình sự so sánh, tài liệu đã dẫn, tr. 82.

quả đối với những người thực hiện hành vi phạm tội; trong khi mô hình tố tụng công bằng lại hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm cho rằng quyền con người là do người phạm tội xâm hại, trong khi đó mô hình tố tụng công bằng cho rằng chính cảnh sát và công tố viên mới là người xâm hại quyền con người. Tuy nhiên, thực tế cho thấy người phạm tội cũng như cảnh sát và công tố đều có thể xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, vấn đề là làm thế nào để quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được bảo vệ tốt, không bị xâm hại dù sự xâm hại đó do ai gây ra; làm thế nào để có thể cân bằng được lợi ích chung của xã hội cũng như lợi ích của cá nhân khi hai lợi ích này mâu thuẫn với nhau. Vì vậy, theo chúng tôi mỗi mô hình tố tụng đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, vấn đề quan trọng là mỗi quốc gia đều phải xác định cho mình một sự cân bằng cần thiết giữa hai lợi ích mà hai mô hình tố tụng quan tâm, phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể của quốc gia mình. Tuy nhiên, theo chúng tôi đứng về góc độ đảm bảo quyền con người thì mô hình tố tụng công bằng có nhiều ưu điểm hơn.

**Hình thức TTHS** là những biểu hiện về cách thức tiến hành các hoạt động tố tụng, là phương thức mà các chủ thể thực hiện các hoạt động chứng minh. Trong mối quan hệ với mô hình tố tụng, thì hình thức tố tụng là những biểu hiện bên ngoài của mô hình tố tụng, đó là các trình tự, thủ tục để tiến hành các hoạt động chứng minh vụ án. Lịch sử các học thuyết TTHS đã xác định, phân tích sự xuất hiện và tồn tại những hình thức giải quyết vụ án hình sự ở các quốc gia khác nhau, vào những thời điểm khác nhau. Theo đó, lịch sử và hiện tại đã và đang tồn tại các hình thức TTHS sau đây:

**Hình thức tố tụng tố cáo** được hình thành từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ, vì vậy nó mang nhiều dấu vết dân chủ của thời kỳ thị

tộc tan rã<sup>4</sup>. Hình thức tố tụng này tồn tại và phát triển mạnh trong thời kỳ đầu của xã hội phong kiến. Nét đặc trưng nhất của hình thức tố tụng này là việc thừa nhận vị trí đặc biệt của người buộc tội; họ chính là người bị hại. Việc khởi tố và tiến hành hay chấm dứt các hoạt động tố tụng tùy thuộc vào ý chí của người bị hại. Một công thức cổ điển ở La Mã đã xác định: “*Không có người tố cáo thì không có quan tòa*” (*Memo iudex sine action*). Chủ thể buộc tội là người bị hại nên khởi nguyên của hình thức tố tụng này gọi là tư tố. Dần dần về sau, do nhận thức rằng hành vi phạm tội không chỉ xâm hại đến lợi ích cá nhân mà còn gây ra những thiệt hại vô cùng lớn cho xã hội, cho nhà vua. Mặt khác, để hạn chế tình trạng lợi dụng quyền tố cáo để gây thiệt hại cho người bị tố cáo, đòi hỏi khi tố cáo hành vi phạm tội, người tố cáo phải tuyên thệ và nếu bị cáo được trắng án thì người tố cáo có thể bị xử phạt, điều đó đã làm cho việc tố cáo dần dần bị ngưng trệ. Do vậy, chủ thể buộc tội được chuyển giao cho người đại diện lợi ích của nhà vua, tư tố chuyển dần sang công tố.

Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa chính là người bị buộc tội và mọi người đều có thể tham gia nhằm bảo vệ lợi ích của người bị buộc tội. Vào thời kỳ này xuất hiện một tầng lớp người được gọi là “hiệp sỹ” có điều kiện và khả năng, tự nguyện đứng ra bảo vệ quyền lợi cho người bị buộc tội. Đó là những người thân, bạn bè của người bị hại, việc bào chữa thực chất chỉ là việc thi thố tài năng, bắt vụ lợi và mang ý nghĩa cao cả nhằm minh oan cho bạn bè, người thân của mình<sup>5</sup>.

Ở các quốc gia khác nhau và ở các thời điểm khác nhau chủ thể thực hiện chức năng xét xử được quy định khác nhau. Mỗi

<sup>4</sup> Vũ Mộc, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong thời gian qua. Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hà Nội, 1999, tr 190.

<sup>5</sup> Trần Văn Bảy (2000), “*Người bào chữa trong tố tụng hình sự*”, Luận văn Thạc sỹ Luật học.

đến cuối thời kỳ chiếm hữu nô lệ, khái niệm "Tòa án" và khái niệm "xét xử" mới xuất hiện và chúng chỉ tồn tại ở một số nước phát triển thời bấy giờ, ngay cả như Pháp, cơ quan xét xử (Tòa án) mãi cuối thời kỳ phong kiến mới được thành lập và tách ra khỏi cơ quan hành pháp. Trước đó việc xét xử do các quan chức hành chính kiêm nhiệm và người đại diện cho quyền lợi và quyền lực của nhà vua để xét xử chứ không phải đại diện cho công quyền<sup>6</sup>.

Hệ thống chứng cứ trong hình thức tố tụng này được quy định rất đơn giản, mang tính chất mê tín dị đoan, thể hiện quan điểm tôn giáo, định kiến và áp đặt. Ở đây, lời nhận tội của bị can, bị cáo được coi là chứng cứ tốt nhất, là *vua của các chứng cứ*, trường hợp bị can, bị cáo không nhận tội thì có thể sử dụng các hình thức khác để chứng minh như lời thề, hoặc phán xét theo ý trời hoặc các thử thách khác (thử bằng lửa, chìm xuống nước, dùng sắt đâm ...). Như vậy, với một hệ thống chứng cứ được quy định trước, Tòa án không cần biết sự việc đã xảy ra như thế nào mà chỉ quan tâm đến khả năng chịu đựng sự thử thách của người bị buộc tội hay quan tâm đến việc họ cần phải thề thốt như thế nào. Đây là hình thức tố tụng cổ xưa nhất và được hầu hết các nước trên thế giới sử dụng, nhưng vào những thời điểm khác nhau, có nước trải qua sớm có nước trải qua muộn hơn<sup>7</sup>.

**Hình thức tố tụng thẩm vấn** (Tố tụng xét hỏi) xuất hiện vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ, trong các Tòa án tôn giáo và dần dần thâm nhập vào Tòa án thường. Hình thức tố tụng này phát triển phổ biến nhất vào thời kỳ quân chủ, "*nó phản ánh chế độ chính trị độc đoán, tàn bạo của giai cấp phong kiến và phù hợp với chế độ Trung ương tập*

*quyền của nền quân chủ chuyên chế*"<sup>8</sup> và cũng được chính quyền của giới quý tộc sử dụng rộng rãi. Hình thức tố tụng này ra đời xuất phát từ những nguyên nhân: (1) Do yêu cầu tăng cường quyền lực công (của Nhà nước hoặc của tôn giáo); (2) Do tình hình tội phạm tăng lên rất nhanh mà những cá nhân riêng biệt không thể khắc phục được; (3) Do thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của quyền lực đối với các quyền của con người và các đảm bảo tự do cho cá nhân.

Đặc điểm của tố tụng xét hỏi được tiến hành bằng hình thức viết, bí mật, không trực diện; các chức năng tố tụng không được phân biệt rõ ràng và được thể hiện ở những mức độ khác nhau. Đặc biệt là chủ thể thực hiện chức năng tố tụng chưa được phân định cụ thể mà hầu như tập trung vào Tòa án. Người bị hại bị loại khỏi vai trò của người buộc tội và thay vào đó là một công chức; bị can, bị cáo bị hạn chế khả năng bào chữa, họ không phải là một bên của tố tụng mà chỉ là khách thể của tố tụng. "*Thẩm phán không chỉ thực hiện chức năng xét xử mà còn thực hiện cả chức năng điều tra, chức năng buộc tội và một phần nào đó của chức năng bào chữa. Bị cáo bị hạn chế khả năng bào chữa, họ không được coi là chủ thể của quá trình tố tụng mà là đối tượng truy cứu của tố tụng*"<sup>9</sup>.

Nguyên tắc cơ bản của hình thức tố tụng này là "*suy đoán có tội*" đối với người bị tình nghi, hạn chế đến mức tối đa việc khiếu nại đối với các bản án đã được tuyên; nguyên tắc sử dụng việc thừa nhận lỗi của bị can, bị cáo là chứng cứ quyết định. Hệ thống chứng cứ đặc trưng của hình thức tố tụng này là tính hợp lệ của chứng cứ, việc đánh giá chứng cứ với những đòi hỏi hết sức khắt khe, nhiều quy định về chứng cứ hết sức trừu tượng. Chẳng hạn: lời nhận tội của

<sup>8</sup> Chuyên đề: Những vấn đề lý luận về Hình sự, Tố tụng hình sự và Tội phạm học, Viện Thông tin khoa học xã hội - Hà Nội, 1981, tr.11.

<sup>9</sup> Kanxantin Phêđôrôvich Gusencô, tài liệu đã dẫn, tr. 22.

<sup>6</sup> Vũ Mộc, tài liệu đã dẫn, tr. 190.

<sup>7</sup> Kanxantin Phêđôrôvich Gusencô, Giáo trình Tố tụng Hình sự, Nxb. MGU, 2000, trang 19.

bị cáo được coi là “*chứng cứ vua*” hay “*nữ hoàng*” của mọi loại chứng cứ; lời khai của người giàu đáng tin cậy hơn lời khai của người nghèo, lời khai của giới học giả, thầy tu bao giờ cũng có giá trị hơn lời khai của dân thường hoặc là tình tiết của vụ án chỉ được coi là chứng cứ khi tình tiết đó được hai người trở lên biết được tình tiết đó... Pháp luật cho phép dùng nhục hình để thu thập chứng cứ, thậm chí việc dùng nhục hình đôi khi còn được khuyến khích và được coi là cách thu thập chứng cứ quan trọng nhất, đặc biệt là “*chứng cứ vua*”.

Cùng với sự phát triển của lịch sử, hình thức tố tụng thẩm vấn có những thay đổi: hủy bỏ việc tra tấn, nhục hình, nhưng vẫn duy trì hệ thống các chứng cứ hình thức; áp dụng điều tra sơ bộ, quy định chặt chẽ thủ tục điều tra và xét xử; thừa nhận một số quyền cá nhân. Nguyên tắc suy đoán có tội bị bãi bỏ, nhưng chưa áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội. Trách nhiệm chứng minh thuộc về bên khẳng định, chứ không thuộc về bên phủ định. Chức năng xét xử đã có nhiều biểu hiện độc lập hơn so với chức năng buộc tội. Quyền của bên bị buộc tội được quan tâm hơn; chức năng bào chữa ngày càng trở nên quan trọng và điều này cũng có nghĩa là chức năng buộc tội ngày càng thu hẹp lại. Mặc dù có những thay đổi nhất định, song vẫn không phân chia các chức năng tố tụng theo thực chất, Thẩm phán vẫn giữ vai trò rất lớn, là trung tâm của quá trình thu thập dữ kiện để chứng minh vụ án.

Phiên tòa trong tố tụng thẩm vấn không phải là sự cạnh tranh giữa hai bên đối địch nhau mà là sự tiếp tục điều tra. Các bên phải cung cấp các chứng cứ thích hợp cho Tòa án. Các Thẩm phán sẽ gọi và kiểm tra một cách tích cực các nhân chứng và chứng cứ của vụ án. Sở dĩ như vậy là vì, nghĩa vụ chứng minh thuộc về Tòa án. Trong hình thức tố tụng này “*Luật sư bào chữa ngồi ngắm trời ngắm biển, ông công tố ủy viên thì ngắm trăng, ngắm cây. Hai ông không*

*quan tâm gì đến kết quả thẩm vấn giữa bị cáo và Thẩm phán cả*”<sup>10</sup>. Theo cách này, tố tụng thẩm vấn cho rằng sự thật có thể và phải được tìm ra trong quá trình thẩm vấn, điều tra. Vì rằng các bên có thể có ý định che dấu sự thật nên Nhà nước phải tham gia sớm và liên tục vào việc thẩm vấn và điều tra.

Trong hình thức tố tụng thẩm vấn, chức năng buộc tội do Nhà nước đảm nhiệm, người bị hại và những người đại diện của họ hầu như bị tách ra khỏi quá trình chứng minh. Công tố viên thực hiện chức năng buộc tội không nhân danh người bị hại mà là nhân danh Nhà nước. Do bị loại ra khỏi vai trò buộc tội, nên về cơ bản người bị hại không có quyền lựa chọn cách thức giải quyết vụ việc mặc dù họ là người bị hại (trừ một số ít trường hợp), khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự không phụ thuộc vào ý muốn của họ, mà hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của cơ quan và người THPT. Như vậy, trong tố tụng thẩm vấn trách nhiệm chứng minh được giao cho các cơ quan và người THPT. Điều này giải phóng tất cả các chủ thể khác khỏi nghĩa vụ chứng minh, họ chỉ có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ mà họ có. Điều này một mặt, đảm bảo khả năng kiểm soát tình hình tội phạm từ phía Nhà nước, nhưng mặt khác, dễ làm tổn thương đến lợi ích cá nhân, nhất là người bị hại và những người thân thích của họ. Việc giao toàn bộ trách nhiệm chứng minh cho các cơ quan và người THPT tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng, nhưng cũng dễ ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng và công khai của tố tụng.

Qua nghiên cứu cho thấy, các nước theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa; các nước XHCN cũng bị ảnh hưởng của hình thức tố tụng này. Tuy nhiên, từng quốc gia

<sup>10</sup> GS JAMES CLAUSE. Thông tin Khoa học pháp lý, số chuyên đề phân tích so sánh hai hệ thống pháp luật Mỹ và Pháp, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, 10/1994, tr. 46.

có cách vận dụng khác nhau. Trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam, những quy định của pháp luật tố tụng trong Bộ luật Hồng đức, Bộ luật Gia Long... và thực tiễn xét xử đều phản ánh hình thức tố tụng thẩm vấn mà đặc điểm cơ bản là: quan cai trị hành chính là Thẩm phán và Điều tra viên; việc điều tra tiến hành bí mật, chứng cứ chủ yếu là lời khai của nhân chứng và lời nhận tội của bị cáo, việc xét xử không công khai, tra tấn, gông cùm là biện pháp chủ yếu trong TTHS.

**Hình thức tố tụng tranh tụng** được hình thành từ hình thức tố tụng tố cáo và phát triển phổ biến ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ “*Anglo-xác-xông*”, phổ biến nhất là khoảng từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII. Tố tụng tranh tụng cho rằng: “*sự thật sẽ được mở ra qua sự tranh luận giữa những người có dữ liệu chính xác*”<sup>11</sup>. Hình thức tố tụng này quan niệm rằng: tố tụng là cuộc tranh đấu tại Tòa án giữa Nhà nước (thông qua đại diện) và công dân bị nghi thực hiện tội phạm, là cuộc tranh đấu thì hai bên đều có các quyền và nghĩa vụ pháp lý như nhau trong quá trình chứng minh, ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình tranh tụng đòi hỏi phải rất chính xác. Có người cho rằng tố tụng tranh tụng coi trọng luật tố tụng hơn luật nội dung. Về nguyên tắc hai bên tranh tụng có khả năng như nhau không chỉ tại phiên tòa mà cả trong các giai đoạn trước phiên tòa, mặc dù các tư tưởng này thực chất chỉ tồn tại trên giấy hoặc chỉ nằm trong đầu óc của các luật sư xa rời cuộc sống mà thôi<sup>12</sup>. Khi tham gia tố tụng, các bên không bắt buộc phải khách quan trong khi làm nhiệm vụ. Công việc của họ là thu thập chứng cứ để buộc tội hoặc bào chữa, phục vụ cho cuộc tranh luận ở Tòa án và họ có trách nhiệm chứng minh tính có lỗi

(buộc tội) hoặc tính không có lỗi, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (bào chữa).

Trong quá trình xét xử, Tòa án đóng vai trò “*người trọng tài*” quan sát việc tranh tụng của các bên và quyết định bên nào sẽ chiến thắng. Việc đánh giá chứng cứ phụ thuộc vào niềm tin nội tâm của Thẩm phán. Để đảm bảo sự bình đẳng trong tranh tụng, pháp luật đưa ra hai điều kiện: (1) Sử dụng việc kiểm tra chéo, đối chất để xác định tính chính xác của chứng cứ. Bên buộc tội và bên bào chữa tập trung chỉ ra cái mà nhân chứng biết thực, chứ không phải cái mà họ nghĩ rằng họ biết; (2) Trách nhiệm được chia sẻ cho các bên buộc tội và bào chữa. Tòa án có trách nhiệm đảm bảo cho các bên có đầy đủ các điều kiện như nhau khi tham gia tranh tụng. Mặc dù có những ưu điểm, song hình thức tố tụng mang tính đối trọng này cũng bị phê phán là xa rời thực tế, “*việc con người bị phán xét như thế nào dường như quan trọng hơn việc xác định xem bị cáo đã làm gì trên thực tế*”<sup>13</sup>.

Hình thức tố tụng tranh tụng được hình thành đầu tiên ở Anh quốc. Sau đó được tiếp thu và phát triển ở các nước thuộc địa của Anh và đến nay vẫn tiếp tục được sử dụng rộng rãi ở các nước như: Hoa Kỳ, Canada... Hình thức tố tụng này có ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hình thức tố tụng tranh tụng có những ưu điểm và những hạn chế nhất định: ưu điểm lớn nhất của hình thức tố tụng tranh tụng là sự độc lập rất lớn của Tòa án trong hoạt động tố tụng; là những đảm bảo quan trọng cho việc bảo vệ quyền công dân, hạn chế việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng; tạo điều kiện để Tòa án giám sát đối với các hoạt động của Cơ quan điều tra (bắt người; khám xét người, đồ vật; nghe các cuộc đàm thoại...); đảm bảo tính công khai, minh bạch của quá trình tố tụng; là quyền xét lại

<sup>11</sup> Chuyên đề: Tư pháp hình sự so sánh, tài liệu đã dẫn, tr. 123.

<sup>12</sup> Chuyên đề: Tư pháp hình sự so sánh, tài liệu đã dẫn, tr. 125.

<sup>13</sup> Chuyên đề: Tư pháp hình sự so sánh, tài liệu đã dẫn, tr. 126.

các bản án đã được tuyên xử và nhiều nguyên tắc khác của TTHS. Ngoài ra, có ý kiến còn cho rằng, cơ chế vận hành của tố tụng tranh tụng đã hạn chế đến mức tối đa các trường hợp kết án oan, sai; là biểu hiện của một nền văn hóa pháp lý cao ở một quốc gia, biểu hiện đó không chỉ ở thái độ tôn trọng pháp luật, cách xử sự có chừng mực trong khuôn khổ pháp luật của các cơ quan và người THTT mà còn ở việc người dân rất am hiểu về pháp luật, đặc biệt là pháp luật TTHS - được coi là có nhiều đụng chạm đến quyền con người. Tất cả những nguyên tắc và nội dung của tố tụng tranh tụng đó đảm bảo tốt nhất cho việc đạt được chân lý khách quan. Từ nhận xét trên có thể nhận thấy, tố tụng tranh tụng sẽ phù hợp và phát huy hiệu quả trong điều kiện Nhà nước dân chủ và xã hội dân sự phát triển.

Bên cạnh đó, hình thức tố tụng tranh tụng cũng có không ít những hạn chế. Việc tăng cường một cách đáng kể vai trò của bên bào chữa, tất yếu sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ vai trò của bên buộc tội trong điều kiện trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của bên buộc tội còn nhiều hạn chế; là vai trò thụ động của Tòa án trong việc đòi hỏi và ngay cả trong việc nghiên cứu chứng cứ dẫn đến việc thay chân lý vật chất bằng chân lý hình thức *"người đứng là người phát biểu tốt nhất ở Tòa án"*. Ngoài ra, tố tụng tranh tụng dễ bỏ lọt tội phạm; là hình thức tố tụng tốn kém so với các hình thức tố tụng khác, kể cả tiền bạc và thời gian; bất lợi cho người nghèo do phải bỏ chi phí để thuê luật sư với giá đắt đỏ... Hạn chế trên dẫn đến hậu quả là nền công lý của xã hội rất khó được thiết lập và cơ quan tư pháp không còn được coi là chỗ dựa đáng tin cậy của nhân dân.

**Hình thức tố tụng pha trộn.** Chúng ta biết rằng hình thức tố tụng thẩm vấn và hình thức tố tụng tranh tụng đều có những ưu điểm và hạn chế, vì vậy quá trình hình thành cũng như tiếp nhận các hình thức tố tụng, các quốc gia đều có sự lựa chọn. Tất nhiên là họ sẽ lựa chọn những ưu điểm của

cả hai hệ thống và phù hợp với điều kiện cụ thể. Thậm chí cùng một hình thức tố tụng và cùng một truyền thống pháp luật nhưng ở mỗi quốc gia đều có sự vận dụng rất khác nhau và đó chính là một trong những nguyên nhân ra đời hình thức tố tụng pha trộn. Tuy nhiên, xét về mặt lịch sử thì hình thức tố tụng pha trộn lần đầu tiên xuất hiện trong truyền thống pháp luật hồi giáo, đó là sự pha trộn giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng, nhưng nội dung của tố tụng thẩm vấn chiếm phần cơ bản vì ở đây hầu như không có sự tách biệt giữa Thẩm phán và Điều tra viên. Thêm vào đó, vai trò của người bào chữa không đến mức đối lập với bên buộc tội. Trong khi đó, một số quy định của tố tụng tranh tụng cũng được áp dụng như quyền phản đối lời buộc tội, quyền giữ im lặng và nguyên tắc suy đoán vô tội.

Cùng với sự phát triển của lịch sử, hình thức tố tụng pha trộn đã có những đổi mới theo hướng dân chủ, tích cực và phát triển mạnh ở nhiều nước thuộc truyền thống luật lục địa như: Đức, Áo, Italia, Bỉ ...<sup>14</sup>. Thực chất, tố tụng pha trộn là hình thức tố tụng hỗn hợp giữa hình thức tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng tại phiên tòa. Ở giai đoạn trước xét xử các hoạt động tố tụng hầu như được tiến hành bí mật, hạn chế sự tham gia của những người có liên quan. Mọi hoạt động đều được ghi thành văn bản, bị can hầu như bị tách khỏi quá trình tố tụng. Tuy nhiên, ở giai đoạn xét xử, phiên tòa được tiến hành công khai, quyền bình đẳng trước phiên tòa và quyền bào chữa của bị can, bị cáo được ghi nhận, các bên buộc tội và bào chữa có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc đưa ra các chứng cứ và yêu cầu, lúc này Tòa án đóng vai trò là người trọng tài đảm bảo cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng mỗi mô hình, hình thức tố tụng đều có nguyên nhân

<sup>14</sup> V.M.Xavitski, Buộc tội Nhà nước tại phiên tòa, NXB Khoa học Matxcova, 1971, tr. 25.

xuất hiện, có quá trình tồn tại và phát triển khác nhau. Cho đến nay có hình thức tổ tụng không còn tồn tại; có mô hình, hình thức tổ tụng có nhiều ảnh hưởng đối với pháp luật TTHS của nhiều nước. Chẳng hạn, mô hình tổ tụng công bằng và hình thức tổ tụng tranh tụng được áp dụng khá phổ biến ở những quốc gia theo truyền thống luật án lệ như: Anh, Mỹ, Canada... Trong khi đó mô hình tổ tụng kiểm soát tội phạm và hình thức tổ tụng pha trộn thường được áp dụng ở các nước theo truyền thống luật lục địa. Tuy nhiên, mô hình và hình thức TTHS được trình bày là dựa trên mô hình truyền thống, cổ điển. Qua các giai đoạn phát triển, mô hình và hình thức tổ tụng đã có nhiều thay đổi; ở từng quốc gia do những điều kiện kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, trình độ dân trí khác nhau và đặc biệt là tình hình tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm là khác nhau nên bản chất, nội dung và những biểu hiện của nó cũng sẽ khác nhau. Tính phổ quát của các giá trị cơ bản về các mô hình và hình thức tổ tụng không thể phủ nhận tính đặc thù của nó trong sự nhận thức và sự phát triển của mỗi quốc gia. Lịch sử phát triển tư tưởng chính trị, pháp lý và thực tiễn hình thành các mô hình và hình thức tổ tụng của nhiều quốc gia đã chỉ ra rằng, không thể có một mô hình hay hình thức tổ tụng chung nhất cho mọi quốc gia. Mỗi quốc gia, tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể mà hình thành các quan điểm, xây dựng mô hình, hình thức tổ tụng phù hợp. Tất nhiên, mỗi mô hình, hình thức tổ tụng cụ thể ấy phải là sự kết hợp giữa các giá trị phổ biến đã được thừa nhận và các giá trị đặc thù của từng dân tộc, từng quốc gia. Vấn đề có tính phương pháp luận rút ra là mô hình, hình thức tổ tụng nào, trong những thời điểm nào và với những điều kiện nào sẽ là mô hình, hình thức tổ tụng tối ưu... là những vấn đề mà mỗi quốc gia sẽ lựa chọn và xây dựng một mô hình, hình thức tổ tụng phù hợp.

### **3. Ảnh hưởng của mô hình, hình thức tổ tụng hình sự trong việc bảo vệ quyền con người**

Một vấn đề đặt ra là mô hình, hình thức tổ tụng có ảnh hưởng như thế nào đến việc bảo vệ quyền con người? Rất khó để trả lời cho câu hỏi đó. Ở dạng khái quát có thể nói rằng, tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan và người THTT có ảnh hưởng lớn đến việc bảo vệ quyền con người nhưng sự ảnh hưởng, tác động cụ thể như thế nào hay nói cách khác là dựa vào căn cứ nào để nhận xét, đánh giá hiệu quả của các mô hình, hình thức tổ tụng trong việc bảo vệ quyền con người? Đây là câu hỏi được đặt ra đối với những ai quan tâm đến mô hình, hình thức tổ tụng; đến chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm; với những ai mong muốn lựa chọn mô hình, hình thức tổ tụng để bảo vệ quyền con người có hiệu quả nhất. Theo chúng tôi, chỉ có thể dựa vào và xuất phát từ mục đích được đặt ra mà các mô hình, hình thức tổ tụng đó hướng đến để đạt được mới có thể suy xét, đánh giá hiệu quả trong việc bảo vệ quyền con người. Nếu như mục đích đã đạt được thì có thể coi các phương tiện tổ tụng tương ứng được dùng để đạt được mục đích đó là có hiệu quả.

Như vậy, mức độ hiệu quả các mô hình, hình thức TTHS được xác định dựa vào và xuất phát từ mức độ đạt được các mục đích đặt ra đối với mô hình và hình thức TTHS đó. Tuy nhiên, cũng không được quên rằng các mục đích không phải là phạm trù, bất biến, mà là phạm trù động, được thay đổi cùng với thời gian, với những biến đổi xảy ra trong xã hội, với sự phát triển của chính hệ thống tư pháp hình sự. Trong quá trình phát triển, các mục đích của TTHS, các phương thức để đạt được mục đích đó và cả những đánh giá về hiệu quả của TTHS phần lớn là khác nhau ở những giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội.

Với nhận thức trên, khi nghiên cứu các mô hình và hình thức TTHS nếu xuất phát từ yêu cầu bảo vệ quyền con người, theo



chúng tôi mô hình tố tụng công bằng và hình thức tố tụng tranh tụng có nhiều ưu điểm hơn. Cách thức tổ chức bộ máy, nội dung hoạt động của các cơ quan THTT, hành vi tố tụng của các chủ thể và thủ tục tiến hành các hoạt động tố tụng có nhiều điểm hợp lý và khoa học hơn so với mô hình và hình thức tố tụng khác. Tuy nhiên, nếu xét theo yêu cầu hiệu quả đấu tranh với tình hình tội phạm thì mô hình THTS kiểm soát tội phạm và hình thức tố tụng hỗn hợp có nhiều ưu điểm hơn. Chính vì vậy, chúng ta vận dụng mô hình và hình thức tố tụng như thế nào để vừa bảo vệ tốt quyền con người, nhưng vẫn đảm bảo đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm. Đây là vấn đề quan trọng, mấu chốt trong việc xây dựng mô hình, hình thức tố tụng cũng như chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Việt Nam, xuất phát từ các giá trị văn hóa truyền thống, về đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, trên cơ sở tiếp thu các giá trị phổ biến trong tư tưởng nhân loại và kinh nghiệm thực tiễn cũng đang nỗ lực tìm kiếm, xây dựng một mô hình, hình thức tố tụng vừa mang tính dân tộc vừa hiện đại; vừa đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm vừa bảo vệ tốt quyền con người. Do vậy, việc nghiên cứu các cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình xây dựng mô hình và hình thức tố tụng ở Việt Nam, việc trao đổi, tham khảo kinh nghiệm của các nước là rất cần thiết và thực sự có ý nghĩa đối với chúng ta. Vấn đề quan trọng có tính phương pháp luận là phải xuất phát từ mục đích và hiệu quả của THTS nói chung và hiệu quả của việc bảo vệ quyền con người, mà điều này lại phải được xem xét trên nhiều yêu cầu và bình diện khác nhau: khả năng kiểm soát và đấu tranh với tình hình tội phạm, bảo vệ lợi ích chung của xã hội; bảo vệ quyền con người. Với yêu cầu trên, theo chúng tôi thì không có mô hình, hình thức tố tụng nào có khả năng đáp ứng đầy đủ tất cả yêu cầu và mục tiêu đó. Vì vậy cần phát huy tối đa thế mạnh, ưu

điểm và hạn chế, khắc phục nhược điểm trong từng mô hình và hình thức tố tụng.

Qua nghiên cứu pháp luật THTS Việt Nam trước năm 1945, chúng tôi nhận thấy có nhiều đặc điểm thể hiện đây là hình thức tố tụng thẩm vấn và mang đậm nét của mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm. Từ sau Cách mạng tháng Tám, cùng với việc xây dựng hệ thống pháp luật kiểu mới, pháp luật THTS Việt Nam đã có những thay đổi cơ bản, chúng ta đã loại bỏ hầu hết các quy định thể hiện nội dung của tố tụng thẩm vấn không còn phù hợp với bản chất của Nhà nước và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặt nền móng cho việc hình thành mô hình, hình thức THTS tiến bộ hơn xét cả về mặt bản chất cũng như về trình tự, thủ tục, phương thức tiến hành. Những văn bản được ban hành từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước năm 1988, pháp luật THTS đã loại bỏ những quy định không còn phù hợp và bổ sung những quy định mới, nhưng nhìn chung THTS Việt Nam ở giai đoạn này về cơ bản vẫn là mô hình tố tụng kiểm soát tội phạm và hình thức tố tụng thẩm vấn.

Bộ luật THTS năm 1988 được ban hành đã đánh dấu một bước đổi mới pháp luật THTS nước ta theo hướng ngày càng dân chủ hơn, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, tăng cường tính công khai, đưa ra và thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội, khắc phục những định kiến theo xu hướng buộc tội, bảo đảm sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát được đề cao trong việc đấu tranh với tội phạm. Nâng cao trách nhiệm của các Điều tra viên, tăng cường các đảm bảo pháp chế trong hoạt động THTS. Vị trí và vai trò của người bào chữa ngày càng được nâng cao theo hướng mở rộng sự tham gia của họ ở giai đoạn điều tra, quyền của họ trong các giai đoạn tố tụng khác. Sau khi Bộ luật THTS được ban hành, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, Pháp lệnh Kiểm sát

viên, Pháp lệnh Tổ chức Luật sư, Pháp lệnh Tổ chức Điều tra hình sự, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và nhiều văn bản có liên quan khác được ban hành đã khẳng định bước cải cách đó.

Năm 2003, Bộ luật TTHS mới ra đời thay thế cho Bộ luật TTHS 1988, tiếp tục bước phát triển mới trong cải cách hệ thống tố tụng ở nước ta. Bộ luật đã thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt là Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 2 tháng 1 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Có thể khái quát một số vấn đề sau đây:

- Tăng cường những đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong phạm vi Bộ luật TTHS, các quyền con người: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền đảm bảo bí mật thư tín, điện tín v.v. được ghi nhận đầy đủ hơn.

- Bên bị buộc tội có quyền thu thập chứng cứ, tài liệu tố tụng; được quyền gặp gỡ người bào chữa ở thời điểm sớm hơn. Các quy định về việc khởi tố theo yêu cầu của người bị hại được quy định và mở rộng.

- Nội dung tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa đã được thể hiện trong các quy định của Bộ luật TTHS, các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử đã được phân định khá rõ ràng và được giao cho các chủ thể khác nhau thực hiện. Các bên buộc tội và bào chữa bình đẳng với nhau trước Tòa án.

- Nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận rõ ràng. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan THTT. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Mọi nghi ngờ đều được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội...

Như vậy, ở chừng mực nhất định TTHS Việt Nam đã thể hiện nhiều nội dung của hình thức tố tụng tranh tụng, cho dù một số yếu tố của nó gắn với thủ tục thẩm vấn.

Điều đó đánh dấu bước tiến theo hướng phát triển các cơ sở dân chủ của pháp luật TTHS nước ta. Mặc dù vậy, đánh giá về pháp luật TTHS Việt Nam hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng còn lạc hậu so với pháp luật TTHS các nước có những điều kiện kinh tế - xã hội tương tự. Quá trình hội nhập giữa nước ta với thế giới và các nước trong khu vực đòi hỏi việc hoàn thiện pháp luật phải đi trước một bước. Tiến tới xây dựng TTHS nước ta theo hình thức tố tụng tranh tụng là đòi hỏi cấp bách<sup>15</sup>. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ý kiến chưa đồng tình với đề xuất xây dựng TTHS nước ta theo hình thức tố tụng tranh tụng. Thậm chí có ý kiến cho rằng nước ta không có điều kiện để tồn tại hình thức tố tụng tranh tụng, hình thức này chỉ có thể tồn tại trong Nhà nước tư sản; TTHS nước ta như hiện nay là phù hợp.

Như phần trên đã trình bày, mô hình và hình thức tố tụng không phụ thuộc vào kiểu Nhà nước mà nó phụ thuộc vào cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức bộ máy tố tụng; các yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu bảo vệ quyền con người. Thực tế đã chứng minh rằng trong Nhà nước tư sản vẫn tồn tại nhiều hình thức tố tụng khác nhau. Vấn đề quan trọng là phải xuất phát từ mục đích và hiệu quả của TTHS, mà điều này lại phải được xem xét trên nhiều yêu cầu và bình diện khác nhau khả năng kiểm soát và đấu tranh có hiệu quả với tình hình tội phạm, bảo vệ tốt lợi ích của xã hội, đảm bảo quyền con người... Với yêu cầu trên theo chúng tôi không có hình thức tố tụng nào có khả năng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và mục tiêu của tố tụng: *"Mỗi mô hình tố tụng đều có những thế mạnh và đồng thời đều có những hạn chế của nó. Không có mô hình nào là tuyệt đối hoàn hảo"*<sup>16</sup>. Vì vậy, cần phát huy tối đa thế mạnh, ưu điểm và hạn

<sup>15</sup> PGS.TS. Phạm Hồng Hải (2003), *"Mô hình lý luận Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam"*, Nxb Công an nhân dân ấn hành, Hà Nội, tr. 32.

<sup>16</sup> PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc - Tài liệu đã dẫn, tr. 51.

chế, khắc phục nhược điểm của từng mô hình và hình thức tố tụng. Tuy nhiên, cũng cần phải nhận thức rằng thay đổi một yếu tố nào đó có thể đem lại cả những kết quả mong đợi và cả những kết quả không mong đợi, vì vậy phải nghiên cứu để đánh giá đầy đủ và chính xác tất cả những yêu cầu, điều kiện, khả năng đáp ứng và dự báo những kết quả do sự thay đổi mang lại. Tiếp xúc một số tài liệu cho thấy kinh nghiệm của Italia trong nhiều năm từ những năm 1930 đến năm 1989 họ áp dụng hình thức tố tụng thẩm vấn có yếu tố tranh tụng, nhưng đến 1989 Italia chuyển hẳn sang hình thức tố tụng tranh tụng. Trong quá trình vận hành, hình thức tố tụng mới đã không mang lại những kết quả mong đợi, đến năm 1992 Italia lại quay lại áp dụng một số yếu tố của tố tụng thẩm vấn. Trong khi đó ở Đức, TTHS có sự kết hợp khá tốt giữa hình thức tố tụng thẩm vấn và tranh tụng, thậm chí TTHS Canada nơi mà hình thức tố tụng tranh tụng là một điển hình về sự thành công nhưng hiện nay cũng đã có sự kết hợp giữa hai hình thức tố tụng, nhưng có nhân mạnh đến yếu tố tranh tụng<sup>17</sup>.

Phân tích tình trạng TTHS cũng như các điều kiện xã hội ở nước ta hiện nay, có thể thấy việc xây dựng TTHS Việt Nam theo hình thức tố tụng tranh tụng là điều chưa thể thực hiện được. Bởi lẽ, khả năng kiểm soát tội phạm nói riêng và các quá trình khác của xã hội nói chung chưa đạt đến mức cần thiết cho tranh tụng, khả năng thực tế của cá nhân tự quyết định lựa chọn cách thức giải quyết tranh chấp chưa cao vì cả lý do khách quan lẫn chủ quan; đội ngũ cán bộ tư pháp

và đặc biệt là đội ngũ luật sư chưa đủ về số lượng và còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, thiếu hoàn chỉnh và chặt chẽ. Tuy nhiên, hạn chế đó không có nghĩa là chúng ta không thể tiếp thu những nội dung của tố tụng tranh tụng trong điều kiện hiện nay. Ngược lại, việc nghiên cứu, tiếp nhận yếu tố này hay yếu tố khác, mặt này hay mặt khác của hình thức tố tụng tranh tụng lại rất cần thiết do yêu cầu dân chủ hóa TTHS và đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, Nhà nước và xã hội. Theo chúng tôi, trước mắt cần tiếp tục hoàn thiện Bộ luật TTHS, Luật Tổ chức Tòa án, Luật Tổ chức Viện kiểm sát, các quy định về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, tổ chức luật sư... theo hướng phân biệt rõ ràng và chia sẻ trách nhiệm trong việc thực hiện tốt các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Khẳng định sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa; sự độc lập của Tòa án không chỉ trên bình diện pháp luật mà còn phải hiện thực hóa trên thực tiễn. Từng bước nâng cao dân trí, nâng cao trình độ pháp luật cho những người THPT, để những người này có đủ khả năng, bản lĩnh và sự độc lập khi tham gia giải quyết vụ án. Làm được điều này, chúng ta cần phải có thời gian và những bước đi thích hợp, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến 2020 là mốc thời gian cần thiết để chúng ta triển khai thực hiện, vấn đề có tính quyết định sự thành công là phải xây dựng lộ trình phù hợp, khoa học để nghiên cứu, triển khai Nghị quyết của Đảng vào thực tế cuộc sống.

---

<sup>17</sup> Donald Chiasson, Kỷ yếu hội thảo về Bộ luật TTHS, Ủy ban Pháp luật Quốc hội và dự án PLAP tổ chức ở Đà Lạt, 9/2003.